

BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ

Môn: Ngữ văn 8; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 01 ->12)

TUẦN 2

TIẾT PPCT: 5, 6

VĂN BẢN

QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH

Trích *Hoàng Lê nhất thống chí* của *Ngô gia văn phái*

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh tiếp tục được củng cố kiến thức về các yếu tố của truyện lịch sử: cốt truyện, bối cảnh; về cách khắc họa các nhân vật lịch sử như Quang Trung – Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống (cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,...), qua đó, nắm bắt được tính cách của các nhân vật.

- Học sinh biết tìm và phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Học sinh biết kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân, từ đó bồi đắp cho mình tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm kính trọng đối với những người anh hùng của dân tộc.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo): Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp; Bồi đắp tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm kính trọng đối với những người anh hùng của dân tộc.

- LÒNG GHÉP QP&AN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm; giới thiệu một số mốc quốc giới.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật dạy học; tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Xác định vấn đề

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp gợi mở, vấn đề. Phương pháp đàm thoại, thuyết trình.
- c. Sản phẩm:** Trao đổi, chia sẻ giữa học sinh với học sinh và học sinh với giáo viên.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Chiếu cho HS xem video về người anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ. https://www.youtube.com/watch?v=iyLtKtzHwjM GV2: Sau khi xem xong video, em có suy nghĩ gì về nhân vật Quang Trung trong thời kì lịch sử oai hùng của dân tộc Đại Việt?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân để cảm nhận được quá trình hình thành và xây dựng đất nước từ thời Hùng Vương đến nay. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p> <p style="text-align: center;"><i>GV ghi tên bài học lên bảng</i></p>	<p><i>Giới thiệu bài mới: “Dân ta phải biết sử ta”. Các em có biết không? dân tộc ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, có rất nhiều vị anh hùng hào kiệt, những người đã đóng góp công lao to lớn để chúng ta có được cuộc sống như hôm nay. Và văn bản chúng ta học sau đây sẽ nói về một nhân vật lịch sử và là một vị vua của nước ta thời xưa. Đoạn trích “Quang Trung đại phá quân Thanh”. Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!</i></p>

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc văn bản và hiểu nghĩa của 1 vài từ ngữ khó trong văn bản.
- b. Nội dung:** Hướng dẫn HS đọc văn bản, phương pháp thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, hợp tác.
- c. Sản phẩm học tập:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời của học sinh .
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản , đọc mẫu 1 đoạn đầu sau đó gọi HS đọc phần còn lại của văn bản.(Chú ý khi đọc cần phải có giọng đọc to, rõ ràng, điều chỉnh âm lượng, tốc độ đọc vừa phải để có sự suy ngẫm..). Trong khi đọc cần sử dụng các chiến lược: <i>theo dõi, dự đoán, đối chiếu</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu 1 đoạn từ đầu -> năm Mậu thân 1788, gọi HS đọc thành tiếng 2 phần còn lại của văn bản. GV theo dõi HS đọc và hỗ trợ cho những HS đọc chưa trôi chảy và còn sai một số từ ngữ để điều chỉnh kịp thời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV đọc đoạn 1 từ đầu -> năm Mậu thân 1788, gọi 2 HS đọc 2 phần còn lại của văn bản. GV gọi 1 vài HS nhận xét cách đọc văn bản của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm (SGK tr 23) GV: Qua phần đọc về tác giả và tác phẩm, em hãy nêu những nét chính về tác giả và tác phẩm <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu về tác giả, tác phẩm (SGK tr 23). GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại,</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p> <p>Lưu ý: Trong VB này, các em chủ yếu sử dụng chiến lược <i>theo dõi</i>, ngoài ra còn có các chiến lược <i>dự đoán, đối chiếu</i>. GV hướng dẫn HS khai thác hệ thống câu hỏi trong khi đọc để nắm được các chi tiết, sự kiện chính, nội dung cốt truyện và hình thành cảm nhận chung về nhân vật.</p> <p>Chẳng hạn, các chỉ dẫn <i>theo dõi</i> ở trang 18, 19, 22 giúp HS nhận biết được thời điểm xuất quân của vua Quang Trung, nội dung lời dụ quân lính của vua Quang Trung, lời đối thoại giữa vua Quang Trung với các tướng lĩnh; hành động, thái độ của Tôn Sĩ Nghị, Lê Chiêu Thống khi quân Tây Sơn kéo vào thành,... Còn các chỉ dẫn <i>dự đoán</i> và <i>đối chiếu</i> ở trang 20, 21 giúp em suy đoán kết cục của quân Thanh sẽ như thế nào, sau đó đối chiếu với VB xem em có đoán đúng không.</p> <p>2. Tác giả, tác phẩm</p>

thuyết trình.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (*HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết*)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản. Em hãy tóm tắt các sự việc chính của tác phẩm *Quang Trung đại phá quân Thanh* là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, tóm tắt văn bản, thời gian từ 3 -> 4 phút.

GV theo dõi HS làm việc cá nhân, bao quát lớp, hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (*HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết*)

→Tác giả: *Ngô gia văn phái* là một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, Hà Nội ngày nay.

- Đây là một dòng họ lớn có truyền thống nghiên cứu và sáng tác văn chương với những tên tuổi tiêu biểu như: Ngô Thì Úc (1709 – 1736), Ngô Thì Sĩ (1726 – 1780), Ngô Thì Nhậm (1746 – 1803), Ngô Thì Chí (1753 – 1788), Ngô Thì Du (1772 – 1840), Ngô Thì Hương (1774 – 1821),...

→**Tác phẩm:** Đoạn trích “Quang Trung đại phá quân Thanh” nằm trong hồi thứ 14 về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh.

3. Tóm tắt văn bản

- Quân Thanh kéo vào Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi vua (hiệu là Quang Trung), ngày 25 tháng Chạp năm 1788 tiến ra Bắc diệt Thanh.

- Dọc đường tuyển thêm binh lính, mở cuộc duyệt binh lớn, chia quân thành các ngả tiến ra Bắc. Chỉ dụ tướng lĩnh, khao quân vào ngày 30 tháng Chạp, hẹn đến ngày mùng 7 Tết thắng lợi.

- Quân Tây Sơn đánh đến đâu thắng đến đó. Rạng sáng ngày mùng 3 Tết, bao vây đồn Hạ Hồi, giặc đầu hàng. Ngày mùng 5 Tết, tiến công đồn Ngọc Hồi. Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, Tôn Sĩ Nghị tháo chạy về nước, Lê Chiêu Thống cùng gia quyến bỏ chạy theo.

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh tiếp tục được củng cố kiến thức về các yếu tố của truyện lịch sử: cốt truyện, bối cảnh; về cách khắc họa các nhân vật lịch sử như Quang Trung – Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống (cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,...), qua đó, nắm bắt được tính cách của các nhân vật.

- Học sinh biết tìm và phân tích các chi tiết tiêu biểu để khái quát được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Học sinh biết kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân, từ đó bồi đắp cho mình tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm kính trọng đối với những người anh hùng của dân tộc.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, kỹ thuật khăn trải bàn.

c. Sản phẩm học tập: Sử dụng phiếu học tập GV đánh giá, thu về lưu trữ trong hồ sơ học tập môn Ngữ văn.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Đoạn trích thuộc thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì? GV2: Văn bản <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> thuộc đề tài gì? Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của đoạn trích như thế nào? GV3: Đoạn trích có thể được chia làm mấy phần? Nội dung chính của mỗi phần là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, đàm thoại (GV với HS), trả lời câu hỏi 1. GV cho HS thảo luận nhóm câu hỏi 2, 3. Chia lớp ra làm 6 nhóm: Nhóm 1, 3, 5 làm câu hỏi 2; nhóm 2, 4, 6 làm câu hỏi 3 (thời gian khoảng 5 ->6 phút). GV đi hỗ trợ các nhóm, nếu có yêu cầu và cần sự trợ giúp. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi 1. GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. GV gọi 2 HS nhóm 1, 3 trình bày kết quả thảo luận câu hỏi 2. GV gọi HS nhóm 5 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn. GV gọi 2 HS nhóm 2, 4 trình bày kết quả thảo</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản 1. Đọc hiểu hình thức</p> <p>→Đoạn trích thuộc thể loại: Tiểu thuyết lịch sử, viết theo lối chương hồi. - Phương thức biểu đạt chính: Tự sự →Văn bản <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> thuộc đề tài: Truyện lịch sử - Hoàn cảnh sáng tác: + <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> được viết từ cuối triều Lê đến đầu triều Nguyễn + Dựa vào việc ghi chép lại những sự kiện lịch sử - xã hội có thực, nhân vật thực, địa điểm thực, tác phẩm đã phản ánh những biến động của lịch sử nước nhà từ cuối thế kỉ XVIII đến những năm đầu thế kỉ XIX, trong đó, tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh,</p>

luận câu hỏi 3.

GV gọi HS nhóm 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Em hãy nêu tình hình đất nước lúc bấy giờ như thế nào? Nhận xét của em về tình thế đất nước lúc đó ra sao?

GV2: Thời điểm diễn ra các sự kiện đó là gì? Phản ứng của Bắc Bình Vương như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm: nhóm 1, 3, 5 trả lời câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 trả lời câu hỏi 2 (thời gian từ 4 -> 5 phút).

GV sử dụng phương pháp đàm thoại 1-1, gợi mở, nêu vấn đề, thuyết trình, hỗ trợ các nhóm khi cần sự trợ giúp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 5 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Thu phiếu học tập số 1 nhận xét, đánh giá, lưu hồ sơ

đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.

→Đoạn trích chia làm: 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu -> *ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788)*. (Được tin quân Thanh chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ lên ngôi vua, thân chinh đi dẹp giặc).

+ Phần 2: Tiếp -> *tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành* (Chiến thắng thần tốc của quân Tây Sơn với tài thao lược của vua Quang Trung).

+ Phần 3: *Còn lại* (Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.)

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử

→Đất nước lúc bấy giờ đó là:

+ Nhà Lê suy tàn, nhu nhược.

+ 29 vạn quân Thanh ồ ạt tràn qua biên giới nước ta, tiến công vào thành Thăng Long.

+ Quân Tây Sơn phải rút về Tam Điệp.

- Đất nước lúc đó đang trong tình thế cấp bách, đe dọa đến chủ quyền, độc lập của dân tộc.

→Thời điểm diễn ra các sự kiện: Cuối năm 1788, mượn cớ giúp nhà Lê, quân Thanh sang xâm chiếm nước ta.

- Bắc Bình Vương giận lắm, cho hợp tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay; lên ngôi hoàng đế, tiến quân ra Bắc dẹp giặc; trưng cầu ý kiến của người hiền tài; tuyển mộ quân lính ở Nghệ An, duyệt binh, yên ủi quân lính,

HT. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Em hãy liệt kê những nhân vật và sự kiện lịch sử được tác giả đề cập trong văn bản là gì?

(GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn hoàn thành PHT số 1. Thời gian từ 4 -> 5 phút. GV sử dụng phương pháp hỏi - đáp, thuyết trình, nêu tình huống có vấn đề và giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi trong phiếu học tập số 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Thu phiếu HT số 1 nhận xét, đánh giá và lưu hồ sơ HT. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Em hãy tìm các chi tiết tiêu biểu miêu tả thái độ, lời nói và hành động của Bắc Bình Vương khi nghe tin báo quân Thanh xâm lược nước ta. Những chi tiết đó cho thấy đặc điểm tính cách gì của nhân vật?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn. Chia lớp thành các nhóm học tập (mỗi nhóm từ 4 -> 6 HS), trao cho mỗi nhóm 1 tờ giấy A0 (trưng trưng cho khăn trải bàn) và bút dạ thảo luận trả lời câu hỏi, thời gian từ 5 -> 6 phút.

GV hỗ trợ các nhóm dùng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, giải quyết các tình huống.

vạch ra kế hoạch đánh giặc;...

2.2. Hình tượng người anh hùng Quang Trung (Nguyễn Huệ)

→ Các nhân vật lịch sử như: Quang Trung,

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, Ngô Văn Sở, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị,...

- Một số sự kiện lịch sử như:

+ Ngày 25 tháng Chạp năm Mậu Thân, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Quang Trung.

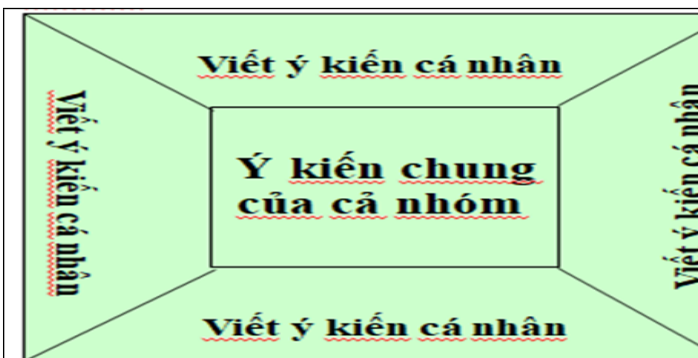
+ Chỉ huy quân tiến ra Bắc tiêu diệt quân Thanh.

+ Đêm 30 Tết, quân ta vượt sông Gian tiêu diệt gọn quân địch ở đồn tiền tiêu.

+ Đêm mùng 3 Tết, bao vây tiêu diệt đồn Hà Hồi.

+ Đêm mùng 5 Tết, quân ta tấn công và hạ đồn Ngọc Hồi.

+ Kết quả: Quân Thanh thất bại thảm hại, Tôn Sĩ Nghị và Lê Chiêu Thống tháo chạy;...



Các bước thực hiện:

B1. Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn. Các thành viên có thể tự ghi ý kiến hoặc thư kí ghi chung.

B2. Từng thành viên nhóm trình bày. Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn trải bàn theo từng cạnh của khăn trải bàn.

B3. Sau 2->3 phút làm việc cá nhân, nhóm trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho các nhóm treo khăn trải bàn lên bảng hoặc xung quanh lớp học, sau đó các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả.

GV gọi 1 vài HS ở các nhóm khác nhận xét, bổ sung nội dung của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Nêu cảm nhận của em về nhân vật vua Quang Trung được khắc họa trong đoạn trích, qua đó nhận xét cảm hứng của tác giả đối với vị anh hùng dân tộc này như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân để cảm nhận về nhân vật và nhận xét cảm hứng của tác giả.

GV sử dụng phương pháp hỏi đáp, gợi mở và nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->3 HS trả lời 2 ý của câu hỏi yêu cầu.

→ Khi nghe tin báo quân Thanh xâm lược nước ta, Bắc Bình Vương giận lắm, cho họp tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay; lên ngôi hoàng đế, tiến quân ra Bắc dẹp giặc; trưng cầu ý kiến của người hiền tài; tuyển mộ quân lính ở Nghệ An, duyệt binh, yên ủi quân lính, vạch ra kế hoạch đánh giặc;...

- Các chi tiết đó cho thấy Quang Trung là một người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén; hành động mạnh mẽ, dứt khoát, tự tin; điều binh khiển tướng tài tình, sử dụng chiến lược, chiến thuật hợp lí, độc đáo trong kế sách đánh giặc; có ý chí tự hào, tự tôn dân tộc và tinh thần quyết chiến, quyết thắng;...

→ Ở phần 1 của VB, vua Quang Trung hiện lên là một người chính trực, thẳng thắn, hành động quyết đoán, sáng suốt, nhạy bén.

+ Ở phần 2, Quang Trung hiện lên với vẻ đẹp của người anh hùng trong chiến trận, người có tầm nhìn chiến lược, ý

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Nhân vật Lê Chiêu Thống được khắc họa rõ nét qua những chi tiết tiêu biểu nào? Phân tích một chi tiết đặc sắc, thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống, qua đó thấy được thái độ của tác giả đối với nhân vật này như thế nào? (*GV cho HS sử dụng phiếu HT số 2*)

GV2: Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống, giữa quân Tây Sơn và quân Thanh có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích? Em hãy khái quát chủ đề đó.

(*GV cho HS sử dụng phiếu HT số 3*)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm: nhóm 1, 3, 5 trả lời câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 trả lời câu hỏi 2 (thời gian từ 4 -> 5 phút).

GV sử dụng phương pháp đàm thoại 1-1, gợi mở, nêu vấn đề, thuyết trình, hỗ trợ các nhóm khi cần sự trợ giúp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 5 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc; có tài cầm quân, tiên đoán chính xác, dùng binh biến hoá, bất ngờ, đóng vai trò quyết định trong chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh,...

- Tác giả không giấu nổi giọng điệu ngợi ca khi nói về trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung. Yêu nước, tự hào dân tộc, đó là nguồn cảm hứng mạnh mẽ của các tác giả khi xây dựng nhân vật người anh hùng kiệt xuất này. Mặc dù Ngô gia văn phái là những cựu thần, chịu ơn sâu nặng của nhà Lê, nhưng là những trí thức có lương tâm, họ đã nhìn lịch sử bằng cái nhìn khách quan, trung thực.

2.2. Nhân vật Lê Chiêu Thống

→Lê Chiêu Thống vội cùng bọn thân tín đưa Thái hậu ra ngoài, chạy bán sống bán chết, cướp thuyền dân,... mấy ngày không ăn; đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt,..

- Lê Chiêu Thống đã tỏ rõ được cái bản chất hèn nhát, vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược của nhân vật này.

+ Hành động “rước voi giày má tổ”

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2.

GV gọi 1 vài HS đại diện nhóm 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Thu phiếu học tập số 1 nhận xét, đánh giá, lưu hồ sơ HT. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (*HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết*).

Nhiệm vụ 7

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Qua tác phẩm *Quang Trung đại phá quân Thanh* đã gọi cho em sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm như thế nào? Em đã từng đi đến hoặc biết đến một số mốc quốc giới bao giờ chưa? Hãy kể cho các bạn cùng nghe.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân để cảm nhận sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và kể một số mốc quốc giới mà em biết đến. GV sử dụng phương pháp hỏi đáp, gợi mở và nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

khiến Lê Chiêu Thống mất tư cách của bậc quân vương. Qua đó, tác giả tỏ thái độ phê phán một cách nghiêm khắc đối với nhân vật này.

→ Sự đối lập giữa hai nhân vật là:

- Hình ảnh vua Quang Trung oai phong, mạnh mẽ; giàu tinh thần tự tôn dân tộc, xông pha trận mạc làm nức lòng quân sĩ, tạo niềm tin quyết chiến, quyết thắng.

+ Ngược lại, Lê Chiêu Thống hiện ra là kẻ hèn nhát, vì sự sống của bản thân mà sẵn sàng bán nước.

+ Hình ảnh đội quân Tây Sơn dũng mãnh, trên dưới một lòng, chiến đấu xả thân vì nghiệp lớn, sức mạnh vô địch, chiến thắng vang dội ⇔ đối lập với quân Thanh thất bại nhục nhã, giẫm đạp lên nhau chạy trốn,...

- Sự đối lập đó đã góp phần quan trọng giúp tác giả nhấn mạnh, tô đậm, làm nổi bật chủ đề của đoạn trích.

- Chủ đề: Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả đã ca ngợi người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ với chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, đồng thời phê phán, tố cáo những kẻ cướp nước và bán nước.

GV gọi 1 ->3 HS trả lời 2 ý của câu hỏi yêu cầu.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 8

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh* em rút ra được nội dung và nghệ thuật của truyện là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân).

→Hình ảnh vua Quang Trung trở thành biểu tượng tinh thần quyết tâm và bất khuất của dân tộc Việt Nam. Dù chỉ mới 39 tuổi, Quang Trung đã dành 22 năm đánh Nam dẹp Bắc, tạo nền móng cho quá trình thống nhất đất nước và đẩy lùi thế lực xâm lược.

- GV có thể chiếu một số hình ảnh về mốc quốc giới.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

- Dựa trên các tình tiết có thật, tác giả đã lựa chọn trình tự kể trình tự diễn ra các sự kiện, giúp người đọc theo dõi dòng lịch sử dễ dàng hơn.

- Với ngôn ngữ kể, tả chân thực, tác phẩm đã khắc họa sinh động các nhân vật lịch sử, từ nhân vật chính nghĩa đến phản diện đều được hiện lên rõ nét.

- Sử dụng giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều Lê, với chiến thắng của nhân dân, dân tộc với bọn cướp nước.

3.2. Nội dung: “Hoàng Lê nhất thống chí” thuộc hồi 14 với tên “Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận, bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài” đã gợi lên khung cảnh lịch sử đầy sinh động về người anh hùng áo vải Quang Trung – Nguyễn Huệ. Tác phẩm vừa làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của một vị vua văn võ toàn tài, vừa nói lên tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước Lê Chiêu Thống cùng quân xâm lược nhà Thanh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

NHÓM/CÁ NHÂN: LỚP 8

Nhiệm vụ	Nội dung	Đánh giá		
		CB	Đ	T
Các nhân vật được đề cập trong văn bản.			
Các sự kiện lịch sử được đề cập trong văn bản.			
TỔNG CỘNG				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

NHÓM/CÁ NHÂN: LỚP 8.....

Yêu cầu	Nội dung	Đánh giá		
		CB	Đ	T
Nhân vật Lê Chiêu Thống được khắc họa rõ nét qua những chi tiết tiêu biểu			
Phân tích một chi tiết đặc sắc, thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống, qua đó thấy được thái độ của tác giả đối với nhân vật.			

			
TỔNG CỘNG				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3
NHÓM/CÁ NHÂN: LỚP 8

Yêu cầu	Quang Trung	Lê Chiêu Thống	Đánh giá		
			CB	Đ	T
Sự đối lập giữa hai nhân vật Quang Trung và Lê Chiêu Thống			
	Quân Tây Sơn	Quân Thanh			
Đối lập giữa quân Tây Sơn và quân Thanh			
Khái quát chủ đề của đoạn trích			
TỔNG CỘNG					

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. Mục tiêu:** HS ôn lại kiến thức bài học “Quang Trung đại phá quân Thanh” để giải quyết các bài tập trắc nghiệm trong nội dung đọc hiểu văn bản.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, hợp tác, gợi mở, nêu vấn đề.
- c. Sản phẩm học tập:** Nội dung các câu trả lời trắc nghiệm đúng nhất để đánh giá hoạt động học tập của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS làm bài tập trắc nghiệm:</p> <p>Câu 1: Ngô gia văn phái là một nhóm tác giả thuộc dòng họ nào?</p> <p>A. Dòng họ Ngô Thì. B. Dòng họ Nguyễn. C. Dòng họ Lý. D. Dòng họ Lê.</p> <p>Câu 2: Hoàng Lê nhất thống chí thuộc thể loại nào?</p> <p>A. Kí. B. Tiểu thuyết chương hồi. C. Tùy bút. D. Truyện ngắn.</p> <p>Câu 3: Nội dung của văn bản “Quang Trung đại phá quân Thanh” là gì?</p> <p>A. Thể hiện tấm lòng yêu nước của vua Quang Trung. B. Tập trung phơi bày sự thối nát dẫn đến sụp đổ tất yếu của tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh, đồng thời ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo. C. Ghi chép lại những sự kiện lịch sử - xã hội có thực. D. Ca ngợi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ lãnh đạo.</p> <p>Câu 4: Hoàng Lê nhất thống chí xây dựng hình ảnh vua Quang Trung như thế nào?</p> <p>A. Hành động mạnh mẽ, quyết đoán. B. Trí tuệ sáng suốt, mẫn cán, điều binh khiển tướng tài tình. C. Tài thao lược, lãnh đạo tài tình, phi thường. D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.</p> <p>Câu 5: Trong những đoạn văn nói về cảnh bỏ chạy khốn cùng của vua Lê Chiêu Thống, tác giả vẫn gửi gắm cảm xúc trong đó, theo em, cảm xúc đó là gì?</p> <p>A. Sự bênh vực. B. Sự tiếc nuối. C. Sự căm phẫn. D. Lòng thương cảm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp 1-1. GV có thể gợi</p>	<p>III. Luyện tập</p>

mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 5 HS lên trả lời 5 câu hỏi trắc nghiệm, ưu tiên cho HS có câu trả lời nhanh nhất, hình thức giơ tay.

GV 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung bài tập của bạn (nếu chưa có đáp án đúng nhất).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý ghi vào vở viết).

→Đáp án trắc nghiệm:

Câu 1: A

Câu 2: B

Câu 3: B

Câu 4: D

Câu 5: C

4. Hoạt động 4: Vận dụng (Thời gian nếu ở trên lớp không đảm bảo GV có thể cho HS về nhà thực hiện, tiết sau GV kiểm tra nội dung viết đoạn văn: Viết kết nối với đọc)

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7 - 9 câu) nêu cảm nhận về một chi trong văn bản *Quang Trung đại phá quân Thanh* để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

Gợi ý:

- GV cần gợi cho HS một vài câu hỏi gợi ý, chẳng hạn: Trong những chi tiết đặc sắc của đoạn trích, em ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao em ấn tượng nhất với chi tiết đó? Chi tiết đó thể hiện vai trò gì trong đoạn trích (khắc hoạ tính cách nhân vật, thể hiện quan điểm của tác giả, tác động tới người đọc,...)?

- GV cũng cần lưu ý HS về dung lượng (khoảng 7 – 9 câu), cách tổ chức đoạn văn, liên kết giữa các câu, yêu cầu về chính tả và diễn đạt.

- Với phần viết này, GV có thể cho HS viết tại lớp hoặc ở nhà; việc thu bài và sử dụng để đánh giá năng lực viết của HS tùy vào cách làm của từng GV linh hoạt và mềm dẻo.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Thực hành tiếng Việt** (SGK tr 24, 25)

TIẾT PPCT: 07

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Các bài tập trong phần Thực hành tiếng Việt này hướng tới việc giúp học sinh củng cố tri thức về từ ngữ địa phương, thể hiện ở khả năng nhận diện và phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong từng trường hợp cụ thể, biết dùng từ ngữ địa phương trong nói và viết.

1.2. Năng lực chung (Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực

giải quyết vấn đề và sáng tạo): Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ chia sẻ.

II. Thiết bị dạy học và học

1. Chuẩn bị của giáo viên: Máy tính, giấy A0, kế hoạch bài dạy (giáo án), phiếu bài tập. Dự kiến một số tình huống khó khăn có thể xảy ra với học sinh.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi...

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế khám phá kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Học sinh giải đoán ô chữ. Sử dụng phương pháp gợi mở vấn đề, đàm thoại, trực quan

c. Sản phẩm: Kết quả câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Cho HS nghe bài hát Một khúc tâm tình người Hà Tĩnh. https://www.youtube.com/watch?v=BpWGzCSEXZA GV: HS lắng nghe bài hát và ghi ra vở những từ ngữ khó hiểu nghĩa hoặc những từ ngữ không phải ở địa phương em thường dùng.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS nghe video bài hát: <i>Một khúc tâm tình người Hà Tĩnh</i>. HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi bạn ngồi cùng bàn học, thời gian từ 2 -> 3 phút. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỏi đáp, nêu tình huống có vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 vài HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng. <i>GV ghi tên bài học lên bảng</i></p>	<p>→ Các từ ngữ được dùng ở địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh như sau: mô (đâu); chi (gi); trưông (sông); ...</p> <p>Giới thiệu vào bài mới: Ở tiết học trước, các em đã làm quen với tiết Thực hành tiếng Việt: Biệt ngữ xã hội. Trong tiếng Việt còn có một kiểu Từ ngữ địa phương đó là gì? Hôm nay thầy (cô) trò ta tiếp tục tìm hiểu thêm Từ ngữ địa phương đó là bài học của chúng ta hôm nay nhé!</p>

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu: Các bài tập trong phần Thực hành tiếng Việt này hướng tới việc giúp học sinh củng cố tri thức về từ ngữ địa phương, thể hiện ở khả năng nhận diện và phân tích được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong từng trường hợp cụ thể, biết dùng từ ngữ địa phương trong nói và viết.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. Sử dụng phương pháp trực quan, dạy học theo mẫu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và kỹ năng phân tích, trình bày tự tin, mạch lạc.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1 SGK Tr 24.</p> <p>BT1: Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp a, b, c, d, e.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng bàn, thời gian từ 2 -> 3 phút. GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gợi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 1. GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết). GV nhận xét tinh thần làm việc của các cặp đôi nhiệt tình, sôi nổi, hiệu quả.</p>	<p>1. Từ ngữ địa phương</p> <p>Bài tập 1 (SGK tr 24)</p> <p>Lưu ý: Yêu cầu nhận biết đâu là từ ngữ địa phương; tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương trong từng trường hợp cụ thể. Yêu cầu trước là điều kiện để thực hiện yêu cầu sau.</p> <p>→ Các từ ngữ địa phương:</p> <p>a. Vô là từ địa phương (có nghĩa là vào). Dùng từ vô theo cách của người xứ Nghệ gợi được sự thân mật, gần gũi.</p> <p>b. Ni là từ địa phương được dùng trong câu ở bài Thăm lúa (Trần Hữu Thung). Bờ ni nghĩa là bờ này (theo cách nói của người xứ Nghệ và một số địa phương khác ở miền Trung). Đưa lời nói thường ngày, mộc mạc vào thơ, tác giả sáng tạo được hình ảnh thơ chân thực, sinh động.</p> <p>c. Chừ (có nghĩa là bây giờ) là từ địa phương vùng Thừa Thiên Huế. Trong bài thơ có nhan đề Huế tháng Tám, chừ là một từ địa phương được Tố Hữu sử dụng rất đắt, làm nổi bật cảm xúc tự hào, vui sướng của con người vùng đất cố đô trong ngày cách mạng thành công.</p> <p>d. Trong câu văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, chi là từ địa phương (có nghĩa là gì). Từ này có âm điệu nhẹ nhàng, mang sắc thái lời ăn tiếng nói của người xứ Huế.</p> <p>e. Má (mẹ) và tánh (tính) là hai từ địa phương</p>

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 2 SGK Tr 24, 25.

Bt2: Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp a, b, c, d.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi để thảo luận bài làm 2. Thời gian khoảng 4 -> 5 phút. GV hỗ trợ cho các cặp đôi có yêu cầu và bao quát lớp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 4 HS lên trình bày BT 2.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 3 SGK Tr 25.

BT3: Trong những trường hợp giao tiếp a, b, c, d, e. Trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS trao đổi cặp đôi ngồi cùng bàn, thời gian từ 2 -> 3 phút.

Được Nguyễn Ngọc Tư sử dụng trong văn bản *Trở gió*. Viết về cuộc sống, sinh hoạt của người dân Nam Bộ, trong trường hợp cụ thể này, chỉ có dùng từ địa phương, tác giả mới phản ánh đời sống một cách chân thực, thể hiện được bản sắc của một vùng đất.

Bài tập 2 SGK tr 24, 25

Lưu ý: Trong giao tiếp, không phải bao giờ việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần thiết. Những trường hợp nêu ở bài tập 2 cho ta hiểu rằng, có những khi dùng từ ngữ địa phương được xem là phù hợp; ngược lại, có những lúc cần tránh dùng từ ngữ địa phương.

a. Giồng (trồng) là từ địa phương Bắc Bộ. Từ này dùng trong Biên bản họp lớp – một loại văn bản hành chính – là không phù hợp.

b. Cũng từ **giồng**, nhưng khi xuất hiện ở lời nói của nhân vật trong truyện lại rất tự nhiên, tạo cho người đọc cảm giác như được nghe giọng nói thực của người dân Bắc Bộ. Từ **nhón** (biến âm của từ lớn) phản ánh đặc điểm ngôn ngữ sinh hoạt của người Bắc Bộ.

c. Tương tự, từ **tía** (cha), từ **ăn ong** (lấy mật ong) được dùng trong lời của người kể chuyện – vốn là dân Nam Bộ – là rất hợp lí.

d. Tui (tôi) là từ địa phương. Việc dùng từ này trong bản tường trình (một loại văn bản hành chính) là không phù hợp.

Bài tập 3 SGK tr 25

Lưu ý: Khi nói hoặc viết, rất cần cân nhắc việc dùng từ ngữ địa phương. Có những trường hợp giao tiếp, dùng từ ngữ địa phương được xem là không phù hợp.

GV theo dõi và hướng dẫn học sinh làm bài tập, gọi mở cho HS kích hoạt kiến thức nền kết hợp với kiến thức tri thức ngữ văn đã được tìm hiểu tại nhà.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 -> 4 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả bài tập 1.

GV gọi 1 vài HS ở các cặp đôi khác để nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự rút ý chính ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Thông qua phần tìm hiểu tri thức ngữ văn và thực hành làm bài tập em hiểu thế nào là từ ngữ địa phương? Cho ví dụ.

GV2: Em hãy phân biệt từ ngữ toàn dân và từ địa phương. Lấy ví dụ minh họa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, sử dụng phương pháp gọi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 vài HS trả lời khái niệm từ ngữ địa phương và mối quan hệ giữa từ toàn dân và từ địa phương.

GV gọi 1 vài HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

→ Các trường hợp a, c, e cần tránh dùng từ ngữ địa phương. Các trường hợp b, d tùy vào hoàn cảnh cụ thể, có thể dùng từ ngữ địa phương.

2. Nhận biết từ ngữ địa phương

2.1. Khái niệm

→ Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

- Ví dụ: “*Sáng ra bờ suối, tối vào hang*”

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng”.

(Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)

“Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào”.

(Tố Hữu, *Khi con tu hú*)

=> “Bắp” và “bẹ” ở đây đều có nghĩa là “ngô”.

2.2. Mối quan hệ giữa từ toàn dân và từ địa phương

- Từ toàn dân: Là lớp từ ngữ văn hoá, chuẩn mực, được sử dụng rộng rãi.

Ví dụ: *bát, cây bút, quả dưa, con lợn*

- Từ ngữ địa phương: Là từ ngữ chỉ sử dụng ở

	<p>một hoặc một số địa phương nhất định. Ví dụ: <i>tô, cây viết, quả thơm, con heo</i> - Có những từ địa phương không có từ toàn dân tương ứng do sự vật, hiện tượng chỉ có ở địa phương đó mà không có ở nơi khác. Ví dụ: từ <i>nhút</i> (Nghệ Tĩnh) → món ăn được muối từ sơ mít.</p>
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương và mối quan hệ giữa từ toàn dân và từ địa phương.

b. Nội dung: Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm, trình bày rõ ràng. Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác.

c. Sản phẩm: Kết quả học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức Game show cho HS với chủ đề: “TÔ YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI”: Với chuyên mục “Từ ngữ địa phương”, bạn hãy thử thách mình trong việc tìm ra các từ ngữ địa phương và nêu từ ngữ toàn dân tương ứng trong các ví dụ sau nhé!</p> <p>Câu 1: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong câu ca dao sau: <i>Miền Nam hết nắng rồi mưa Cho cam lắm trái cho dứa thêm xanh</i></p> <p>Câu 2: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong đoạn thơ sau: Đồng chí mô nhớ nữa Kể chuyện Bình Trị Thiên, Cho bây tui nghe ví (Hồng Nguyên, <i>Nhớ</i>)</p> <p>Câu 3: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong đoạn thơ sau: Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí - Thừa trong nớ hiện chừ vô cùng gian khổ, Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri. (Hồng Nguyên, <i>Nhớ</i>)</p> <p>Câu 4: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong câu ca dao sau:</p>	<p>3. Luyện tập và vận dụng</p>

<p>Ru em em théc cho muối Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.</p> <p>Câu 5: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong bài ca dao sau:</p> <p><i>Anh đến tìm hoa, hoa đà đã nở Anh đến gọi đò, đò đã sang sông Tìm bậu, bậu đã lấy chồng Bậu thương như rứa, mận nòng chi mô? - Hoa đến kì hoa nở Đò đã đầy đò phải sang sông Đến duyên em phải lấy chồng Tình thương như thế mận nòng tùy anh.</i></p> <p>Câu 6: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong đoạn thơ sau:</p> <p><i>“Vân Tiên ghé lại bên đàng, Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô. Kêu rằng: bớ đảng hung đồ, Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”</i> (Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu)</p> <p>Câu 7: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong đoạn văn sau:</p> <p><i>“Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại: - Thì má cứ kêu đi. Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống: - Vô ăn cơm! ...”</i></p> <p>Câu 8: Tìm từ ngữ địa phương và từ toàn dân tương ứng trong đoạn thơ sau:</p> <p><i>Oi con chim chiến chiến Hót chi mà vang trời.</i> (Thanh Hải, <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS chơi Game show với chủ đề: “TÔ YÊU TIẾNG NƯỚC TÔI”: Với chuyên mục “Từ ngữ địa phương”. GV cho HS làm việc cá nhân, hỏi đáp 1-1; nhanh tay nhanh mắt, giơ tay nhanh trả lời nhanh. GV gợi ý yêu cầu của bài tập, sử dụng phương pháp nêu vấn đề, làm mẫu ...</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi lần lượt 8 HS lên trình bày 8 câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn nếu</p>	<p>Câu 1: - Từ địa phương: trái - Từ toàn dân tương ứng: quả</p> <p>Câu 2: - Từ địa phương: mô; bậu tui; ví - Từ toàn dân tương ứng: đâu; chúng tôi; với...</p> <p>Câu 3: - Từ địa phương: nớ; hiện chừ; ra ri - Từ toàn dân tương ứng: ấy, đó; bây giờ; như thế nào...</p> <p>Câu 4: - Từ địa phương: théc; muối - Từ toàn dân tương ứng: ngủ; say...</p> <p>Câu 5: - Từ địa phương: bậu; như rứa; chi mô - Từ toàn dân tương ứng: cô gái; như thế; hay không...</p> <p>Câu 6: - Từ địa phương: đàng; vô; kêu - Từ toàn dân tương ứng: đường; vào; gọi...</p> <p>Câu 7: - Từ địa phương: ba; kêu; trống - Từ toàn dân tương ứng:</p>
--	---

chưa đưa ra đáp đúng, chưa chính xác, chưa đầy đủ thông tin.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự ghi nội dung chọn lọc).

bổ; gọi; trống không...

Câu 8:

- Từ địa phương: **chi**

- Từ toàn dân tương ứng: **gì...**

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Ta đi tới** của *Tố Hữu*.

TIẾT PPCT: 8

VĂN BẢN

TA ĐI TỚI

Tố Hữu

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù: Học sinh cảm nhận được tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc và tinh thần lạc quan cách mạng của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm.

1.2. Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc đưa ra quan điểm, ý kiến riêng của HS biết phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên tham gia hoạt động; biết chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc.

2. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

- LÒNG GHÉP QP&AN: Giáo dục lòng tự hào, tự tôn dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Tạo tâm thế bài học cho HS khắc sâu kiến thức nội dung kiến thức bài học.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề, trao đổi, chia sẻ.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	

GV1: Chiếu cho HS xem video về vùng đất Tây Bắc qua bài hát: *Trường ca sông Lô* của tác giả Văn Cao do Mỹ Linh thể hiện.

<https://www.youtube.com/watch?v=jkSIHbC1Hl4>

GV2: Sau khi xem xong video, em có cảm nhận gì về vùng đất Tây Bắc và những con người nơi đây như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS xem Video xong sau đó gọi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi và có thể gọi 2 -> 3 học sinh trả lời và chia sẻ trước lớp.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân để cảm nhận được vùng đất Tây Bắc và những con người nơi đây.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.

GV ghi tên bài học lên bảng

- HS làm việc cá nhân, cảm nhận qua video về vùng đất Tây Bắc để chia sẻ với bạn bè và người thân.

Giới thiệu vào bài mới: Cuối năm 1947, Văn Cao lên chiến khu. Ông qua Phú Thọ để lên Việt Bắc. Mùa Đông năm ấy, giặc Pháp thua trận thảm hại trên dòng Sông Lô, khắp nơi xác thù còn vương, tàu giặc còn cháy. Phải rút chạy nên chúng đã trả thù hèn hạ, cướp bóc, đốt sạch phá sạch xóm làng ven sông Lô. Ông cũng chứng kiến đoàn quân chiến thắng ca khúc khai hoàn và người dân nô nức hát ca tái tạo cuộc sống mới trên những nền nhà giặc đốt chỉ còn màu xám của tro bụi. Đến Việt Bắc, ông gặp Doãn Tuế, người chỉ huy pháo binh Việt Nam thắng Pháp trên dòng sông Lô. Qua những say sưa thuật lại của người chiến binh anh dũng, Văn Cao đã ứng tác bài Trường ca Sông Lô và bài hát đã được sinh ra từ tình yêu cuộc sống, từ cuộc chiến hào hùng, được đăng trên báo Văn nghệ số tháng 3 năm 1948. Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu văn bản **Ta đi tới** của *Tố Hữu* có cùng chủ đề trong bài học hôm nay nhé.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

a. Mục tiêu: Đọc văn bản và cần nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp gọi mở, nêu vấn đề, vấn đáp

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời để đánh giá kết quả học tập.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Hướng dẫn ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung bài thơ. Phần đầu của VB (từ đầu đến “<i>Ai về Hà Nội thì xuôi cùng thuyền</i>”) nên đọc với giọng phấn khởi, tự hào; phần hồi tưởng lại những năm tháng</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản</p> <p>1. Đọc văn bản</p> <p>Lưu ý: Chỉ nên để mỗi HS đọc một đoạn có độ dài vừa phải, điều quan trọng là hướng dẫn HS thể hiện được tính biểu cảm trong cách đọc một bài thơ tự do.</p>

<p>kháng chiến (từ “<i>Ờ, đã chín năm rồi đây nhi!</i>” đến “<i>Tiếng của em thánh thót quanh làng</i>”) đọc với giọng tha thiết, sâu lắng; phần cuối VB (từ “<i>Ai đi Nam Bộ</i>” đến hết) đọc với giọng lạc quan, tin tưởng,...</p> <p>GV có thể đọc mẫu đoạn đầu, tiếp đó chỉ định một vài HS đọc tiếp những phần còn lại của văn bản.</p> <p>GV: Qua sự tìm hiểu được giao bài về nhà, em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả <i>Tố Hữu</i> và tác phẩm Ta đi tới là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV đọc diễn cảm bài thơ đoạn 1, HS đọc diễn cảm bài thơ phần còn lại.</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, gợi mở, nêu vấn đề trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 ->2 HS đọc bài thơ và trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm.</p> <p>GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận nhận định</p> <p>GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p> <p>GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự rút ý chính để viết vào vở)</p>	<p>2. Tác giả, tác phẩm</p> <p>→ Tác giả: Tố Hữu (1920 - 2002) quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế, là nhà cách mạng, đồng thời là nhà thơ.</p> <p>- Hành trình thơ của Tố Hữu song song với hành trình cách mạng: mỗi tập thơ gắn với một giai đoạn của cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Đặc điểm thơ: Thường viết về những vấn đề trọng đại của dân tộc: chiến tranh, hoà bình, đổi mới đất nước,... Tình cảm mang tính thời đại: gắn với tình hình thực tế của đất nước, của xã hội.</p> <p>→ Tác phẩm: Bài thơ <i>Ta đi tới</i> (in trong tập thơ Việt Bắc) vào tháng 8 năm 1954 - thời điểm kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.</p>
---	---

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

- a. **Mục tiêu:** Học sinh cảm nhận được tình yêu nước, lòng tự hào dân tộc và tinh thần lạc quan cách mạng của nhà thơ thể hiện trong tác phẩm.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, nêu vấn đề, gợi mở, hợp tác, thuyết trình.
- c. **Sản phẩm học tập:** Dùng phiếu học tập và bảng đánh giá kết quả trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p>

GV1: Văn bản *Ta đi tới* thuộc thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính là gì? Em hãy nêu chủ đề chính của văn bản *Ta đi tới* của tác giả Tố Hữu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cá nhân. Trao đổi cặp đôi bạn ngồi cùng bàn, thời gian từ 3 -> 4 phút.

GV hỗ trợ các cặp đôi, sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 ->2 HS trả lời yêu cầu của câu hỏi.

GV gọi 1 vài HS khác nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (HS có thể tự tìm ý chính ghi vào vở viết).

Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Đọc đoạn trích trong bài thơ, em hình dung như thế nào về bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng ...) đã gợi nguồn cảm hứng thơ ca cho tác giả?

(GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân (hỏi – đáp), gợi mở, nêu vấn đề. Câu hỏi 1

GV hỗ trợ cho HS nào có khó khăn trong học tập cần giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi hình thức hỏi đáp 1-1.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ

→Thể loại: Thơ tự do

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm.

- Chủ đề: Ca ngợi những chiến thắng lẫy lừng của cuộc kháng chiến. Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc.

2. Đọc hiểu nội dung

2.1. Bối cảnh lịch sử và nguồn cảm hứng gợi lên trong bài thơ

Lưu ý: GV định hướng cho HS dựa vào các thông tin trong trích đoạn bài thơ để tái hiện bối cảnh lịch sử làm nảy sinh cảm xúc của tác giả.

→Trích đoạn bài thơ tái hiện không gian rộng lớn, trải dài từ các tỉnh, vùng miền núi phía Bắc: Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên,... đến vùng trung du với “rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt”; từ Thủ đô Hà Nội cho đến khu Ba, khu Bốn; từ các tỉnh vùng Tây Nguyên: Công Tum, Đắc Lắc đến Thành phố Hồ Chí Minh

bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp “Ba ngàn ngày không nghỉ”, nhà thơ đã bộc lộ cảm xúc gì? Theo em, đây chỉ là cảm xúc của cá nhân nhà thơ hay còn cảm xúc chung của cộng đồng? Vì Sao?

GV2: Xác định hình ảnh trung tâm của đoạn trích. Hình ảnh đó có mối liên hệ với những hình ảnh nào khác trong đoạn trích?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm; nhóm 1, 3, 5 làm câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 làm câu hỏi 2. Thời gian từ 4 -> 5 phút.

GV đi hỗ trợ các nhóm khi có HS yêu cầu

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện cho các nhóm 1, 3 lên trình bày kết quả câu hỏi 1.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 5 lên nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện cho các nhóm 2, 4 lên trình bày kết quả câu hỏi 2.

GV gọi 1 -> 2 HS đại diện nhóm 6 lên nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi

“rực rỡ tên vàng” và các tỉnh miền Tây như Đồng Tháp, Tiền Giang, Hậu Giang, ...

- Thời gian được nhà thơ đề cập trong văn bản là từ mùa thu Cách mạng tháng Tám năm 1945, kéo dài suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp đến kết thúc thắng lợi.

- Sự kiện quan trọng đó là chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

2.2. Hình ảnh trung tâm của bài thơ

→ Khi nhìn lại chặng đường cuộc kháng chiến “ba ngàn ngày không nghỉ”, Tố Hữu đã bộc lộ niềm xúc động, tự hào trước sức mạnh của dân tộc ta, tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta. Chính sức mạnh đó, tinh thần đó đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

- Đây là sự hoà quyện giữa cảm xúc của cá nhân nhà thơ với cảm xúc của cộng đồng. Cái “tôi” của tác giả cất tiếng nói đại diện cho nhiều cái “tôi” khác, cũng có nghĩa cái “tôi” đã hoà vào cái “ta”.

→ Tố Hữu đã xây dựng nên hình ảnh “con đường” – một hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. Hình ảnh này xuất hiện nhiều lần trong bài thơ: “Trên đường cái, ung dung ta bước/ Đường ta rộng thênh thang tám thước/ Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên/ Đường qua Tây Bắc, đường lên

(HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Những địa danh nào được nhắc đến trong đoạn trích? Theo em, việc xuất hiện một loạt địa danh như vậy mang lại hiệu quả gì cho việc thể hiện tình cảm của tác giả?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn học để chia sẻ trải nghiệm của bản thân, thời gian từ 3 -> 4 phút. GV theo dõi HS làm việc cá nhân, cặp đôi, bao quát lớp, hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi, theo hình thức cá nhân.

GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý cơ bản ghi vào vở viết)

Nhiệm vụ 5

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV lồng ghép QP&AN: Qua bài thơ *Ta*

*Điện Biên/ Đường cách mạng, dài theo
kháng chiến/ Đến hôm nay đường xuôi về
biển/ Mối tình khô màu đất đỏ tươi,...*".
Và “con đường” được nói đến ở đây không chỉ là con đường giao thông nối liền các vùng miền, mà còn là con đường cách mạng, con đường cả dân tộc ta đang vững bước đi lên. Chính vì thế, hình ảnh con đường có mối quan hệ chặt chẽ với các hình ảnh khác trong đoạn trích, đặc biệt là với hình ảnh đôi bàn chân. Điều này không chỉ phù hợp với nhan đề bài thơ, mà còn có tác dụng làm nổi bật tinh thần sôi nổi, khí thế mạnh mẽ, vững vàng của cả dân tộc.

2.3. Cảm xúc của tác giả

→ Các địa danh nổi tiếng được nhắc đến trong văn bản như: Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên, Nam Bộ, Tiền Giang, Hậu Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp,...

- Việc xuất hiện một loạt địa danh như thế có tác dụng biểu thị lòng yêu mến, tự hào của tác giả về sự giàu đẹp của mọi miền đất nước, về sức mạnh của nhân dân và niềm tin vào tương lai rạng rỡ của dân tộc.

đi tới của *Tố Hữu* đã gọi lên cho em sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong kháng chiến chống thực dân Pháp như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân (hỏi – đáp), gợi mở, nêu vấn đề. GV hỗ trợ cho HS nào có khó khăn trong học tập cần giải quyết vấn đề.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 1 -> 2 HS trả lời câu hỏi hình thức hỏi đáp 1-1.

GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).

Nhiệm vụ 6

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu văn bản em hãy cho biết nghệ thuật và nội dung mà tác giả muốn gửi gắm chúng ta điều gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm (thời gian từ 5 -> 6 phút), sử dụng sơ đồ tư duy để khắc sâu kiến thức bài học.

GV phát giấy Roki, bút màu cho HS thể hiện tính sáng tạo khi thể hiện nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV cho HS mang kết quả lên bảng treo cho cả lớp theo dõi kết quả của 6 nhóm.

GV gọi 3 HS của 3 nhóm lên trình bày kết quả thảo luận.

GV gọi 3 HS nhóm khác lên nhận xét, bổ sung nội dung còn thiếu của nhóm bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến

→ Bài thơ ca ngợi những chiến thắng lẫy lừng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó chính là sức mạnh của toàn dân tộc Việt Nam và đồng thời tác giả đã thể hiện được những suy nghĩ sâu sắc về chặng đường sắp tới của dân tộc ta.

3. Tổng kết văn bản

3.1. Nghệ thuật

→ Thể thơ tự do giúp biểu đạt suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc một cách dạt dào.

- Biện pháp điệp cấu trúc "Ai...", "Đường...", biện pháp điệp ngữ tạo nhạc điệu, nhấn mạnh niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan cách mạng.

3.2. Nội dung: Bài thơ ca ngợi chiến thắng lẫy lừng của cuộc kháng chiến

thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).	chống Pháp, gửi gắm những suy nghĩ sâu sắc của tác giả về chặng đường sắp tới của dân tộc. Qua đó, ta thấy được niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước của tác giả.
---	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 8

Nhiệm vụ: Đọc đoạn trích trong bài thơ, em hình dung như thế nào về bối cảnh lịch sử (không gian, thời gian, những sự kiện quan trọng ...) đã gợi nguồn cảm hứng thơ ca cho tác giả?

Yêu cầu	Nội dung	Đánh giá		
		Đ	Đ	T
Không gian			
Thời gian			
Sự kiện quan trọng			
TỔNG CỘNG				

3. Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại nội dung của bài học thông qua đọc kết nối văn bản.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương hợp tác, tổ chức chơi trò chơi, gợi mở, nêu tình huống, giải quyết vấn đề.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của học sinh đánh giá hoạt động học tập trên lớp.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Em có nhận xét gì về cách đặt nhan đề của bài thơ <i>Ta đi tới</i> của Tố Hữu.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn ngồi cùng bàn học. Thời gian 3 -> 4 phút. GV gọi mở, nêu vấn đề, hỗ trợ những HS cần sự trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trình bày kết quả câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 ->2 HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi lên bảng nội dung cốt lõi (HS có thể tự tìm ý hiểu ghi nội dung cơ bản vào vở viết).</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→Nhan đề <i>Ta đi tới</i> gọi lên trong ta nhiều liên tưởng phong phú. Nó có ý nghĩa tả thực, nói rõ hành trình của bao nhiêu con người đi qua nhiều vùng miền của Tổ quốc – từ Bắc tới Nam, từ miền ngược đến miền xuôi,... Nhưng <i>Ta đi tới</i> còn mang ý nghĩa ẩn dụ, có tính chất khái quát: hành trình bền bỉ, vượt qua thử thách, gian lao để tiến lên phía trước, hướng tới tương lai.</p>

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết 1 đoạn văn ngắn kết nối với đọc.
- b. **Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề
- c. **Sản phẩm học tập:** Phiếu đánh giá kỹ năng viết đoạn văn ngắn (Hình thức, nội dung)
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết 1 đoạn văn (khoảng 5 -> 7 câu) Từ văn bản <i>Ta đi tới</i> nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn, thời gian 6 -> 8 phút. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 ->2 HS trình bày đoạn văn theo yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung trong đoạn văn của bạn.</p>	<p>IV. Vận dụng (Viết kể nối với đọc)</p> <p>Gợi ý: HS viết đoạn văn có số lượng câu văn theo yêu cầu. - Nội dung: Nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ,</p>

Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, đánh giá hình thức và nội dung đoạn văn. (Dùng phiếu Rubric đánh giá viết đoạn văn của HS)	xây dựng và phát triển đất nước trong thời đại 4.0. - Hình thức: Đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp.
--	--

PHIẾU RUBRIC ĐÁNH GIÁ VIẾT ĐOẠN VĂN

NHÓM/CÁ NHÂN: LỚP 8 ...

Tiêu chí		Phân chấm điểm				
		CD 1 đ	TB 2 đ	Khá 3 đ	Tốt 4 đ	XS 5 đ
Hình thức	Đoạn văn ngắn gọn khoảng 5 -> 7 câu, Các câu văn có sự liên kết chặt chẽ, Lời văn trong sáng, trôi chảy (5 điểm)					
	Có thể trình bày theo tổng – phân - hợp (Hoặc theo cách riêng của HS) (5 điểm)					
Nội dung	Nêu trách nhiệm của em để góp phần vào công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước. (10 điểm)					
	Nêu ra được sự phát triển đất nước trong thời đại 4.0. (10 điểm)					
Trình bày	Tự tin, rõ ràng, diễn cảm (5 điểm)					
TỔNG CỘNG						

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: Viết bài văn kể lại một chuyện đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

Đào Văn Dũng



Nguyễn Thị Chúc